TÒA ÁN NHÂN DÂN
T PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 58/2021/HNGĐ-ST
Ngày 07- 4 - 2021
"V/v xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Kim Cương
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Hoàng Kha
Bà Trần Thị Cúc
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Tô Huyền T – Là thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau.

Trong ngày 07 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau. Xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 109/2021/ HNGĐ-ST ngày 09 tháng 3 năm 2021 về việc yêu cầu xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 237/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Tấn T, sinh năm 1970; cư trú tại: Ấp A, xã M, huyện N, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà Vương Huyền T, sinh năm 1974; cư trú tại: Ấp Đ, xã L, thành phố M, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Pham Tấn T trình bày tại đơn khởi kiện như sau:

Về hôn nhân: Ông và bà Vương Huyền T chung sống như vợ chồng với nhau năm 1993, không có đăng ký kết hôn nhưng có tổ chức cưới gả theo phong tục tập quán. Quá trình chung sống giữa ông và bà T có mâu thuẫn, ông và bà T đã ly thân khoảng 17 năm nay. Hiện nay mỗi người có cuộc sống riêng, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nên ông yêu cầu xin ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông và bà T có 02 con chung tên Phạm Thái S, sinh ngày 22/4/1994 và Phạm Tấn Đ, sinh ngày 15/4/2004. Khi ly hôn, đối với cháu S hiện đã T niên, không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Đ ông đồng ý giao cháu Đ cho bà T nuôi, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông.

Về tài sản chung: Ông xác định ông và bà T không có tài sản chung.

Về nợ chung: Ông xác định ông và bà T không nợ ai và không ai nợ lại ông, bà.

Do điều kiện công việc làm ăn ở xa nên ông xin được vắng mặt tại các phiên tòa xét xử và các giai đoạn tố tụng khác tại Tòa án.

Bà Vương Huyền T trình bày:

Về hôn nhân: Về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn và không có đăng ký kết hôn đúng như lời trình bày của ông T. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do không thể hòa hợp về quan điểm sống, bà và ông T đã ly thân khoảng 17 năm nay. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên ông T xin ly hôn thì bà đồng ý.

Về con chung: Bà và ông T có 02 con chung tên Phạm Thái S, sinh ngày 22/4/1994 và Phạm Tấn Đ, sinh ngày 15/4/2004. Khi ly hôn, đối với cháu S hiện đã T niên, không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Đ, bà yêu cầu được nuôi cháu Đ, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông T.

Về tài sản chung: Bà xác định bà và ông T không có tài sản chung.

Về nợ chung: Bà xác định ông T và bà không nợ ai và không ai nợ lại ông, bà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nội dung tranh chấp giữa ông Phạm Tấn T và bà Vương Huyền T được xác định là tranh chấp về ly hôn, bị đơn bà Vương Huyền T có nơi cư trú tại xã L, thành phố M nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Ông Phạm Tấn T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Ông T và bà T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1993 nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn mặc dù có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, hôn nhân giữa ông T và bà T đã vi phạm pháp luật về mặt hình thức. Quá trình chung sống do có mâu thuẫn, nên ông T và bà T đã ly thân 17 năm nay. Mỗi người đều có cuộc sống riêng không ai quan tâm chăm sóc ai. Nay ông T xin ly hôn, bà T đồng ý. Nên căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành quy định của Luật hôn nhân và gia đình thì Tòa tuyên bố quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà T không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Ông T và bà T có 02 con chung tên Phạm Thái S, sinh ngày 22/4/1994 và Phạm Tấn Đ, sinh ngày 15/4/2004. Khi ly hôn, đối với cháu S hiện đã T niên, không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với cháu Đ, bà T yêu cầu được nuôi cháu Đ, ông T cũng thống nhất. Xét yêu cầu này của bà T phù hợp với ý kiến nguyện vọng của cháu Phạm Tấn Đ theo biên bản ghi ý kiến ngày 29/3/2021, nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu của nguyên đơn tiếp tục giao con chung Phạm Tấn Đ cho bà T tiếp tục, trực tiếp chăm sóc giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con bà T không đặt ra yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

Ông T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Ông T, bà T khai không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Ông T, bà T khai không nợ ai nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Ông T phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 147, 207, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 14, 51, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Không công nhận ông Phạm Tấn T và bà Vương Huyền T là vợ chồng.

Về con chung: Giao 01 con chung tên Phạm Tấn Đ, sinh ngày 15/4/2004 hiện đang sống cùng bà T cho T tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không đặt ra trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con đối với ông T. Đối với Phạm Thái S, sinh ngày 22/4/1994 đã trưởng T không đặt ra xem xét về trách nhiệm nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con.

Ông Phạm Tấn T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, ông Phạm Tấn T phải chịu. Ông T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai số 0000740 vào ngày 08/3/2021, được chuyển thu sung vào công quỹ Nhà nước.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Vương Huyền T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Phạm Tấn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu Hồ sơ,
- Lưu Toà án Tp Cà Mau.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã Ký)

Phạm Kim Cương